|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

DỰ THẢO

**QUY CHẾ**

**Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương**

**ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo**

**và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**  
*(Kèm theo Quyết định số: ...... /2025/QĐ-UBND ngày ...... tháng ...... năm ..... của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay ưu đãi phát triển sản xuất, kinh doanh, phục vụ các nhu cầu thiết yếu, tạo việc làm, ổn định sinh kế, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định đời sống, nhằm góp phần thực hiện thành công các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, đảm bảo an sinh xã hội, an toàn trật tự xã hội, nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống của người dân và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình theo chuẩn tỉnh Đồng Nai và các đối tượng chính sách khác vay vốn.

2. Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, phát triển nông nghiệp theo hướng hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển du lịch nông thôn, du lịch sinh thái, phát triển các sản phẩm thuộc chương trình mỗi xã một sản phẩm, duy trì và phát triển các làng nghề truyền thống, phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, giáo dục đào tạo.

3. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác; tổ tiết kiệm và vay vốn.

4. Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội.

**Điều 3. Nguyên tắc cho vay**

1.Việc cho vay phải bảo đảm đúng đối tượng và đủ điều kiện vay vốn theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế này.

2. Người vay vốn phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay; trả nợ cả gốc và lãi đúng hạn đã ghi trong hợp đồng/sổ vay vốn/khế ước vay vốn.

3. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đồng Nai, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thuộc chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi là: Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch)) và các cơ quan liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng được vay vốn.

4. Xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng để chiếm đoạt và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách không đúng mục đích.

**Chương II  
QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 4. Cơ chế tạo lập nguồn vốn ủy thác cho vay**

1. Tạo lập nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội
2. Hằng năm hoặc định kỳ, căn cứ vào kế hoạch, chỉ tiêu thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân và các chỉ tiêu khác về phát triển kinh tế - xã hội của cấp có thẩm quyền, tổng hợp nhu cầu vay vốn hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Sở Tài chính (phòng kinh tế/phòng kinh tế - hạ tầng và đô thị) chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (cấp xã) trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bố trí nguồn vốn ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch) để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định.
3. Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch vốn ủy thác được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (cấp xã) và Hội đồng nhân dân cùng cấp phê chuẩn, Sở Tài chính (phòng kinh tế/phòng kinh tế - hạ tầng và đô thị) chuyển vốn vào tài khoản của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch) để tạo lập nguồn vốn ủy thác cho vay.
4. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác .
5. Tạo lập từ nguồn trích quỹ: Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.
6. Trường hợp do chính sách chế độ nhà nước thay đổi: Ngân sách thiếu nguồn hoặc không có nguồn tạo lập vốn cho vay ưu đãi hoặc lãi suất cho vay thấp không đủ bù đắp chi phí thì Sở Tài chính (phòng kinh tế/phòng kinh tế - hạ tầng và đô thị) xem xét báo cáo Ủy ban nhân cấp tỉnh (cấp xã) trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.
7. Các nguồn vốn khác có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước ủy thác theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

**Điều 5. Cơ chế cho vay ủy thác**

1. Cơ chế cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác: Thực hiện theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ; Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002; Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15/4/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội; Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và các văn bản hướng dẫn quy trình, thủ tục cho vay hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội có liên quan. Trường hợp cơ chế cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác được điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế.

2. Cho vay các chương trình, đối tượng mang tính đặc thù của tỉnh Đồng Nai: Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các cơ quan có liên quan thực hiện theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác, phụ lục hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; phòng kinh tế/phòng kinh tế - hạ tầng và đô thị ký hợp đồng ủy thác, phụ lục hợp đồng ủy thác với phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thuộc chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đồng Nai.

4. Đối tượng vay vốn

a) Chương trình cho vay hộ nghèo

Đối tượng cho vay gồm: Hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo theo chuẩn tỉnh Đồng Nai từng thời kỳ.

b) Chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm: Đối tượng cho vay thực hiện theo Nghị định 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

c) Chương trình, chính sách cho vay về nhà ở xã hội: Đối tượng cho vay thực hiện theo Nghị định 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

d) Cho vay đối với người chấp hành xong án phạt tù: Đối tượng cho vay thực hiện theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 22/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

đ) Chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

Đối tượng cho vay gồm: Các hộ gia đình chưa có công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn hoặc có nhưng chưa đạt tiêu chuẩn quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận. Địa bàn cho vay: Tất cả các xã, phường thuộc tỉnh Đồng Nai.

e) Chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; học sinh, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán.

g) Cho vay đối với người sau cai nghiện ma túy, người nhiễm HIV, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương.

h) Các chương trình cho vay đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; người đi lao động ở nước ngoài; hộ nghèo về nhà ở; hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn; thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn; các chương trình, đối tượng cho vay thực hiện mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ;

i) Các chương trình, đối tượng cho vay theo Quyết định số 26/2025/QĐ-UBND ngày 19/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện một số hoạt động cho vay tại các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

k) Đối tượng thuộc các chương trình cho vay khác theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

5. Mức cho vay, thời hạn vay: Theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội, của Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh và của cơ quan, người có thẩm quyền đối với từng chương trình cho vay.

6. Lãi suất cho vay: Áp dụng mức lãi suất cho vay theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và các quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong từng thời kỳ đối với từng chương trình cho vay, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

7. Quy trình thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay, thu nợ, thu lãi tiền vay, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, kiểm tra sử dụng vốn vay thực hiện theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội, của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và các quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền đối với từng chương trình cho vay.

8. Xử lý vi phạm vay vốn: Xử lý nghiêm người vay và người cho vay vốn có hành vi lợi dụng, tham ô, cố tình không trả nợ gốc, lãi hoặc sử dụng vốn không đúng mục đích. Những tổ chức, cá nhân vi phạm cơ chế cho vay sẽ tùy tính chất và mức độ vi phạm để xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành. Các trường hợp vay vốn bị rủi ro khách quan được xử lý theo quy định của Quy chế này.

**Điều 6. Hạch toán kế toán đối với nguồn vốn và dư nợ nhận ủy thác**

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay bằng nguồn vốn ủy thác được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội.

**Điều 7. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay bằng nguồn vốn ủy thác**

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch) quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương, các nguồn vốn khác có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước ủy thác, số tiền từ ngân sách địa phương cấp bù hỗ trợ lãi suất (nếu có) vào thu nhập của Ngân hàng Chính sách xã hội và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc, thứ tự ưu tiên sau:

1. Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, văn bản quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội. Việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện vào ngày 31/12 hằng năm hoặc theo kế hoạch quyết toán hằng năm của Ngân hàng Chính sách xã hội hiện hành, trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

2. Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch). Mức trích là 60% số tiền lãi thu được. Trường hợp lãi thu được sau khi trích Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định, ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch).

3. Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch). Mức trích tối đa không quá 15% số tiền lãi thu được và phân bổ như sau:

a) Đối với chương trình cho vay hộ nghèo; hộ cận nghèo; hộ mới thoát nghèo; nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn; người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Phân bổ 9% số tiền lãi thu được để chi hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh đối với nguồn vốn uỷ thác ngân sách tỉnh (phòng kinh tế/phòng kinh tế - hạ tầng và đô thị đối với nguồn vốn uỷ thác ngân sách cấp xã), cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác: Tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro, khen thưởng và công tác phối hợp triển khai hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng quy chế (phòng kinh tế/phòng kinh tế - hạ tầng và đô thị hàng năm xây dựng dự toán/kế hoạch) chi hỗ trợ hoạt động cho phù hợp theo từng thời kỳ.

- Phân bổ 1% số tiền lãi thu được để chi hỗ trợ hoạt động của Sở Tài chính đối với nguồn vốn uỷ thác ngân sách tỉnh (phòng kinh tế/phòng kinh tế - hạ tầng và đô thị đối với nguồn vốn uỷ thác ngân sách cấp xã) và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác: Tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro, khen thưởng và công tác phối hợp triển khai hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương. Giao Sở Tài chính xây dựng quy chế (phòng kinh tế/phòng kinh tế - hạ tầng và đô thị hàng năm xây dựng dự toán/kế hoạch) chi hỗ trợ hoạt động cho phù hợp theo từng thời kỳ.

- Phân bổ 5% số tiền lãi thu được để chi cho công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác phối hợp triển khai hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương.

b) Đối với chương trình cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, giải quyết việc làm sau đào tạo nghề.

- Phân bổ 2% số tiền lãi thu được để chi hỗ trợ hoạt động của Sở Nội vụ đối với nguồn vốn uỷ thác ngân sách tỉnh (phòng kinh tế/phòng kinh tế - hạ tầng và đô thị đối với nguồn vốn uỷ thác ngân sách cấp xã), cán bộ làm công tác quản lý về hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác: Tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro, khen thưởng và công tác phối hợp triển khai hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương. Giao Sở Nội vụ xây dựng quy chế (phòng kinh tế/phòng kinh tế - hạ tầng và đô thị hàng năm xây dựng dự toán/kế hoạch) chi hỗ trợ hoạt động cho phù hợp theo từng thời kỳ.

- Phân bổ 1% số tiền lãi thu được để hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh đối với nguồn vốn uỷ thác ngân sách tỉnh (phòng kinh tế/phòng kinh tế - hạ tầng và đô thị đối với nguồn vốn uỷ thác ngân sách cấp xã), cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác: Tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro, khen thưởng và công tác phối hợp triển khai hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng quy chế (phòng kinh tế/phòng kinh tế - hạ tầng và đô thị hàng năm xây dựng dự toán/kế hoạch) chi hỗ trợ hoạt động cho phù hợp theo từng thời kỳ.

- Phân bổ 1% số tiền lãi thu được để chi hỗ trợ hoạt động của Sở Tài chính đối với nguồn vốn uỷ thác ngân sách tỉnh (phòng kinh tế/phòng kinh tế - hạ tầng và đô thị đối với nguồn vốn uỷ thác ngân sách cấp xã) và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác: Tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro, khen thưởng và công tác phối hợp triển khai hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương. Giao Sở Tài chính xây dựng quy chế (phòng kinh tế/phòng kinh tế - hạ tầng và đô thị hàng năm xây dựng dự toán/kế hoạch) chi hỗ trợ hoạt động cho phù hợp theo từng thời kỳ.

- Phân bổ 10% số tiền lãi thu được để chi cho công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác phối hợp triển khai hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương.

c) Đối với chương trình cho vay Nhà ở xã hội.

- Phân bổ 2% số tiền lãi thu được để chi hỗ trợ hoạt động của Sở Xây dựng đối với nguồn vốn uỷ thác ngân sách tỉnh (phòng kinh tế/phòng kinh tế - hạ tầng và đô thị đối với nguồn vốn uỷ thác ngân sách cấp xã) và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác: Tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro, khen thưởng và công tác phối hợp triển khai hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương. Giao Sở Xây dựng xây dựng quy chế (phòng kinh tế/phòng kinh tế - hạ tầng và đô thị hàng năm xây dựng dự toán/kế hoạch) chi hỗ trợ hoạt động cho phù hợp theo từng thời kỳ.

- Phân bổ 1% số tiền lãi thu được để hỗ trợ hoạt động Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh đối với nguồn vốn uỷ thác ngân sách tỉnh (phòng kinh tế/phòng kinh tế - hạ tầng và đô thị đối với nguồn vốn uỷ thác ngân sách cấp xã), cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác: Tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro, khen thưởng và công tác phối hợp triển khai hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng quy chế (phòng kinh tế/phòng kinh tế - hạ tầng và đô thị hàng năm xây dựng dự toán/kế hoạch) chi hỗ trợ hoạt động cho phù hợp theo từng thời kỳ.

- Phân bổ 1% số tiền lãi thu được để chi hỗ trợ hoạt động của Sở Tài chính đối với nguồn vốn uỷ thác ngân sách tỉnh (phòng kinh tế/phòng kinh tế - hạ tầng và đô thị đối với nguồn vốn uỷ thác ngân sách cấp xã) và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác: Tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro, khen thưởng và công tác phối hợp triển khai hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương. Giao Sở Tài chính xây dựng quy chế (phòng kinh tế/phòng kinh tế - hạ tầng và đô thị hàng năm xây dựng dự toán/kế hoạch) chi hỗ trợ hoạt động cho phù hợp theo từng thời kỳ.

- Phân bổ 10% số tiền lãi thu được để chi cho công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác phối hợp triển khai hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương.

d) Đối với chương trình cho vay người chấp hành xong án phạt tù; người sau cai nghiện ma tuý, người nhiễm HIV, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương.

- Phân bổ 10% số tiền lãi thu được để chi hỗ trợ hoạt động phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp của Công an tỉnh Đồng Nai và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác: Tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng và công tác phối hợp triển khai hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương. Giao Công an tỉnh Đồng Nai hằng năm xây dựng dự toán/kế hoạch chi hỗ trợ hoạt động cho phù hợp theo từng thời kỳ.

- Phân bổ 5% số tiền lãi thu được để chi cho công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác phối hợp triển khai hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương.

đ) Đối với chương trình cho vay mỗi xã một sản phẩm; phát triển các làng nghề truyền thống; phát triển nông nghiệp theo hướng hữu cơ; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hộ có mức sống trung bình.

- Phân bổ 5% số tiền lãi thu được để hỗ trợ hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh đối với nguồn vốn uỷ thác ngân sách tỉnh (phòng kinh tế/phòng kinh tế - hạ tầng và đô thị đối với nguồn vốn uỷ thác ngân sách cấp xã), cán bộ làm công tác giảm nghèo cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác: Tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro, khen thưởng và công tác phối hợp triển khai hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng quy chế (phòng kinh tế/phòng kinh tế - hạ tầng và đô thị hàng năm xây dựng dự toán/kế hoạch) chi hỗ trợ hoạt động cho phù hợp theo từng thời kỳ.

- Phân bổ 10% số tiền lãi thu được để chi cho công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác phối hợp triển khai hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương.

e) Đối với chương trình cho vay phát triển du lịch nông thôn.

- Phân bổ 10% số tiền lãi thu được để chi hỗ trợ hoạt động của Sở Văn hóa - Thể thao và du lịch đối với nguồn vốn uỷ thác ngân sách tỉnh (phòng kinh tế/phòng kinh tế - hạ tầng và đô thị đối với nguồn vốn uỷ thác ngân sách cấp xã) và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác: Tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro, khen thưởng và công tác phối hợp triển khai hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương. Giao Sở Văn hóa – Thể thao và du lịch xây dựng quy chế (phòng kinh tế/phòng kinh tế - hạ tầng và đô thị hàng năm xây dựng dự toán/kế hoạch) chi hỗ trợ hoạt động cho phù hợp theo từng thời kỳ.

- Phân bổ 5% số tiền lãi thu được để chi cho công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác phối hợp triển khai hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương.

g) Đối với chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; học sinh, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán.

- Phân bổ 10% số tiền lãi thu được để chi hỗ trợ hoạt động của Sở Giáo dục và đào tạo đối với nguồn vốn uỷ thác ngân sách tỉnh (phòng kinh tế/phòng kinh tế - hạ tầng và đô thị đối với nguồn vốn uỷ thác ngân sách cấp xã) và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác: Tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro, khen thưởng và công tác phối hợp triển khai hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng quy chế (phòng kinh tế/phòng kinh tế - hạ tầng và đô thị hàng năm xây dựng dự toán/kế hoạch) chi hỗ trợ hoạt động cho phù hợp theo từng thời kỳ.

- Phân bổ 5% số tiền lãi thu được để chi cho công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác phối hợp triển khai hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương.

h) Các chương trình cho vay thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi về cho vay hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề, phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý; đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; hộ nghèo về nhà ở; hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn; thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn.

- Phân bổ 10% số tiền lãi thu được để chi hỗ trợ hoạt động của Sở Dân tộc và Tôn giáo đối với nguồn vốn uỷ thác ngân sách tỉnh (phòng kinh tế/phòng kinh tế - hạ tầng và đô thị đối với nguồn vốn uỷ thác ngân sách cấp xã) và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác: Tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, thẩm định hồ sơ xử lý rủi ro, khen thưởng và công tác phối hợp triển khai hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương. Giao Sở Dân tộc và Tôn giáo xây dựng quy chế (phòng kinh tế/phòng kinh tế - hạ tầng và đô thị hàng năm xây dựng dự toán/kế hoạch) chi hỗ trợ hoạt động cho phù hợp theo từng thời kỳ.

- Phân bổ 5% số tiền lãi thu được để chi cho công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác phối hợp triển khai hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương.

i) Đối với các chương trình cho vay khác theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

4. Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

5. Nguyên tắc, nội dung, mức chi và thẩm quyền phê duyệt để chi cho công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác phối hợp triển khai hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương quy định tại khoản 3 Điều 7, Quy chế này (sau đây gọi là: nguồn kinh phí hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp).

a) Nguyên tắc chi và thẩm quyền phê duyệt.

- Vào tháng 01 hằng năm, căn cứ số dư nguồn kinh phí hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp ngày 31/12 năm trước liền kề và số dự kiến phân bổ năm kế hoạch quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy chế này, Ngân hàng Chính sách xã hội xây dựng dự toán/kế hoạch trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp xem xét, phê duyệt.

- Trên cơ sở dự toán/kế hoạch đã được Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp phê duyệt, giao Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch) tổ chức thực hiện, đảm bảo hồ sơ, chứng từ, thanh toán, quyết toán sử dụng nguồn kinh phí theo quy định.

b) Một số nội dung và mức chi cụ thể:

- Chi tiền công tác phí (tàu, xe, vé máy bay, phụ cấp lưu trú, phòng nghỉ), tiền ăn, nước uống, lễ tân khánh tiết, tài liệu, văn phòng phẩm, làm thêm giờ, mua sắm tài sản, hàng hoá, dịch vụ, trang thiết bị phục vụ công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, gồm: Chi cho các thành viên Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội, các thành viên khác tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát theo quy định của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội, theo văn bản của cấp trên có liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội, mức chi thực hiện phù hợp với chính sách, chế độ hiện hành và quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ.

- Chi hỗ trợ Trưởng Ban đại diện và các thành viên Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp về: Công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, nghiên cứu tài liệu phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành, xây dựng phương án, đề án, nghị quyết, quyết định, các văn bản, báo cáo, kế hoạch, dự thảo... liên quan đến hoạt động Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội, hoạt động tín dụng chính sách xã hội và các công việc khác liên quan hoạt động Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương, chi hỗ trợ chi phí thông tin liên lạc (điện thoại, internet) phục vụ công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, mức chi hàng tháng cho mỗi thành viên tối đa 1,5 lần mức chi phụ cấp đối với thành viên Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định của Bộ Tài chính từng thời kỳ (hiện nay là Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15/4/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội). Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh lập danh sách chi theo tháng hoặc theo quý.

- Chi hội nghị, hội thảo, đào tạo, tập huấn nghiệp vụ; chi họp Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp định kỳ, họp đột xuất, sơ kết, tổng kết, họp mở rộng theo yêu cầu công tác của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, yêu cầu của cấp trên, của Ngân hàng Chính sách xã hội và các cơ quan, ban, ngành có liên quan đối với hoạt động Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội, hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội, gồm: Chi tiền công tác phí (tàu, xe, vé máy bay, phụ cấp lưu trú, phòng nghỉ), tiền ăn, nước uống giữa giờ, làm thêm giờ, văn phòng phẩm, tài liệu, lễ tân, khánh tiết... đối với Trưởng Ban đại diện, thành viên Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội, cán bộ, người lao động Ngân hàng Chính sách xã hội, đại biểu, khách mời, giảng viên và các thành phần khác có liên quan; Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên, chuyên gia tư vấn, chi bồi dưỡng cán bộ thực hiện công tác đào tạo, tập huấn, hướng dẫn các nội dung liên quan, chi bồi dưỡng người có báo cáo tham luận tại hội nghị; Chi thuê hội trường, phòng họp, hoa tươi, trang trí hội trường, băng rôn, khẩu hiệu, thiết bị âm thanh, ánh sáng, led, máy chiếu, đường truyền, mua thuốc chữa bệnh thông thường, phóng sự, phim tài liệu, chi tuyên truyền và các chi phí khác có liên quan đến hội nghị, hội thảo, đào tạo, tập huấn nghiệp vụ, họp định kỳ, đột xuất, sơ kết, tổng kết, họp mở rộng; mức chi thực hiện theo chính sách, chế độ hiện hành và quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ.

- Chi tổ chức thăm mô hình, trao đổi học tập kinh nghiệm của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội (gồm các đoàn của tỉnh Đồng Nai đi và các đoàn của Trung ương, các tỉnh/thành phố đến Đồng Nai làm việc, tham quan, thăm mô hình, trao đổi học tập kinh nghiệm), gồm:

+ Chi công tác phí (tàu, xe, vé máy bay, phụ cấp lưu trú, phòng nghỉ), tiền ăn, nước uống, văn phòng phẩm, tài liệu, mua thuốc chữa bệnh thông thường, tặng phẩm và các chi phí khác có liên quan đối với các đoàn của tỉnh Đồng Nai đi tham quan, thăm mô hình, trao đổi học tập kinh nghiệm trong công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, công tác triển khai hoạt động tín dụng chính sách xã hội và các công việc khác liên quan hoạt động Ngân hàng Chính sách xã hội, gồm: Trưởng Ban đại diện, thành viên Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, cán bộ, người lao động Ngân hàng Chính sách xã hội, khách mời và các thành phần khác có liên quan.

+ Chi phí tổ chức làm việc với các đoàn của Trung ương, các tỉnh/thành phố, phường (xã) đến Đồng Nai làm việc, thăm mô hình, trao đổi học tập kinh nghiệm, gồm: tiền phòng nghỉ, tiền ăn, nước uống, lễ tân, khánh tiết, chi phí đi lại, văn phòng phẩm, tài liệu, thuê hội trường, phòng họp, hoa tươi, trang trí hội trường, băng rôn, khẩu hiệu, phóng sự, phim tài liệu, thiết bị âm thanh, ánh sáng, led, máy chiếu, đường truyền và các chi phí khác có liên quan, mức chi thực hiện phù hợp với chính sách, chế độ hiện hành và quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ.

- Chi khen thưởng đối với tập thể, cá nhân là Trưởng ban, thành viên Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp; các tập thể, cá nhân có thành tích đóng góp vào hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội, hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh.

Nội dung, mức khen thưởng, trình tự, thủ tục, hồ sơ khen thưởng: Thực hiện theo quy định của Nhà nước, Quy chế Thi đua - Khen thưởng của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội và hướng dẫn của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm hoặc đột xuất, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch) căn cứ kết quả hoạt động tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn, thành tích đóng góp của các tập thể, cá nhân có liên quan và số tiền khen thưởng phân bổ theo dự toán hàng năm được duyệt, tổ chức họp để xem xét, đề nghị khen thưởng. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch) căn cứ kết quả cuộc họp, có văn bản kèm danh sách tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp xem xét, quyết định. Căn cứ Quyết định khen thưởng của Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch) tổ chức thực hiện chi khen thưởng cho các tập thể, cá nhân được khen thưởng.

- Hỗ trợ hoạt động Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch) để chi cho các hoạt động: tuyên truyền; đào tạo, tập huấn nghiệp vụ; hội nghị, hội thảo; họp định kỳ, đột xuất, sơ kết, tổng kết; học tập kinh nghiệm; mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ... để phục vụ hoạt động tín dụng chính sách xã hội và Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương.

- Các khoản chi khác có liên quan đến hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, hoạt động tín dụng chính sách xã hội, Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa phương.

**Điều 8. Xử lý nợ bị rủi ro**

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý nợ rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội. Những trường hợp phải xử lý rủi ro ngoài cơ chế này, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch) phối hợp Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ban, ngành có liên quan đối với chương trình cho vay được giao nhiệm vụ theo Quy chế này xem xét, thẩm định thống nhất bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể, báo cáo Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đảm bảo theo đúng quy định.

2. Thẩm quyền xem xét, xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan xử lý nợ bị rủi ro

a) Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch): Xử lý hồ sơ rủi ro theo đúng cơ chế hiện hành; hướng dẫn khách hàng lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ bị rủi ro, kiểm tra đảm bảo tính chính xác, hợp pháp đúng quy định của bộ hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro của khách hàng, tổng hợp và có ý kiến bằng văn bản đề nghị xử lý nợ rủi ro gửi Sở Tài chính kèm bộ hồ sơ xử lý rủi ro của khách hàng.

b) Các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Dân tộc và Tôn giáo, Văn hóa, thể thao và du lịch, Giáo dục và Đào tạo; Công an tỉnh và Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh.

Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch) kiểm tra hồ sơ nợ rủi ro, đề nghị khoanh nợ, giãn nợ, xóa nợ cho khách hàng, tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân nhân tỉnh quyết định.

c) Sở Tài chính

- Căn cứ hồ sơ xử lý nợ rủi ro do Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch) cung cấp, căn cứ báo cáo và ý kiến của các sở, ngành để kiểm tra, thẩm định; nếu hồ sơ xử lý nợ rủi ro đủ cơ sở pháp lý thì trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

- Trường hợp những khoản nợ bị rủi ro chưa đủ cơ sở pháp lý thì đề nghị thành lập đoàn kiểm tra khảo sát thực tế, có biên bản xác minh cụ thể, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro

a) Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch) trích lập theo quy định hiện hành đối với cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

b) Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, Sở Tài chính chủ trì phối hợp Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bổ sung từ ngân sách địa phương để xử lý hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương chuyển qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch).

c) Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

**Điều 9. Chế độ báo cáo**

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch): Định kỳ 6 tháng, năm hoặc đột xuất, báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi Ủy ban nhân dân cùng cấp; gửi Sở Tài chính (phòng kinh tế/phòng kinh tế - hạ tầng và đô thị).

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn, đơn vị địa phương**

1. Trách nhiệm của Sở Tài chính (phòng kinh tế/phòng kinh tế - hạ tầng và đô thị)

a) Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Nhân dân cùng cấp và các văn bản pháp lý liên quan thực hiện chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước uỷ thác qua chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch) để cho vay theo đúng kế hoạch. Đối với những trường hợp phát sinh trên cơ sở đề nghị của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch), Sở Tài chính (phòng kinh tế/phòng kinh tế - hạ tầng và đô thị) cân đối nguồn vốn tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp để trình Hội đồng Nhân dân cùng cấp phê duyệt bổ sung nguồn vốn ủy thác nhằm thực hiện cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Thực hiện kiểm tra kết quả quản lý và sử dụng nguồn vốn tại chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch).

c) Phối hợp các đơn vị liên quan thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định đối với những trường hợp bị rủi ro ngoài cơ chế theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy chế này và báo cáo, đề xuất phương án xử lý đối với trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ để xử lý nợ rủi ro theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 8 Quy chế này.

d) Kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 7 Quy chế này và thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (cấp xã) về việc phân phối lãi, bổ sung vốn ủy thác, trích lập Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng và điều chỉnh tỷ lệ trích, mức trích khi Nhà nước điều chỉnh lãi suất cho vay.

2. Trách nhiệm các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ, Dân tộc và Tôn giáo, Xây dựng, Văn hóa, thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Công an tỉnh và Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh.

a) Phối hợp với Sở Tài chính, các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì họp xem xét hồ sơ nợ rủi ro do Chi nhánh NHCSXH tỉnh đề nghị đối với chương trình cho vay được giao nhiệm vụ theo Quy chế này; thực hiện kiểm tra hiệu quả việc sử dụng vốn ủy thác và chấp hành các quy định cho vay.

b) Phối họp Sở Tài chính đề nghị xử lý những vấn đề liên quan đến sử dụng vốn cho vay ủy thác, thực hiện kiểm tra hiệu quả việc sử dụng vốn uỷ thác cho vay, giám sát tính hợp pháp của hợp đồng/khế ước vay vốn/sổ vay vốn.

3. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch)

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (phòng giao dịch) theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này.

b) Thực hiện trích lập, phân phối và sử dụng tiền lãi được phân bổ theo đúng quy định tại Quy chế này.

c) Thực hiện giải ngân, thu hồi nợ; sử dụng vốn thu hồi để cho vay quay vòng đảm bảo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này.

d) Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định hiện hành.

đ) Lập hồ sơ xử lý nợ rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

e) Định kỳ thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

4. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện cho vay ủy thác theo đúng quy định.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với Ngân hàng Chính sách xã hội.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan chức năng, cơ quan thực hiện chương trình tín dụng và phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này.

b) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này, thực hiện đầy đủ các quy định về thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn, bình xét cho vay, trả nợ, trả lãi tiền vay của người vay.

c) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc thu hồi nợ đến hạn, nợ quá hạn; xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, hộ bỏ khỏi nơi cư trú; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

d) Chỉ đạo các ngành và Ban Chỉ đạo chương trình xoá đói, giảm nghèo của xã phối hợp với tổ chức chính trị - xã hội làm tốt công tác tuyên truyền, vận động và tạo điều kiện để thực hiện chính sách tín dụng đối với người vay trên địa bàn.

đ) Có ý kiến về đề nghị xin gia hạn và xử lý nợ rủi ro của người vay.

e) Chủ động thường xuyên điều tra, bổ sung kịp thời vào danh sách những hộ thuộc diện nghèo, cận nghèo theo tiêu chí được cấp có thẩm quyền quy định.

g) Căn cứ Nghị quyết Hội đồng Nhân dân cấp xã và các văn bản pháp lý liên quan thực hiện chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thuộc chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đồng Nai để cho vay theo đúng kế hoạch.

**Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Những nội dung không được hướng dẫn tại Quy chế này được thực hiện theo Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và các văn bản quy định hiện hành.

2. Đối với Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng, nguồn vốn cho vay, nguồn kinh phí hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đã tạo lập theo Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND, Quyết định số 41/2020/QĐ-UBND và Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Quyết định số 1606/QĐ-UBND và Quyết định số 355/QĐ-UBND của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Phước tiếp tục giao Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đồng Nai quản lý, tổ chức, thực hiện theo quy định tại Quy chế này và các văn bản hướng dẫn nhà nước, của Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Đối với nguồn kinh phí chi hỗ trợ hoạt động Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tạo lập theo Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND, Quyết định số 41/2020/QĐ-UBND của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, Quyết định số 1606/QĐ-UBND và Quyết định số 355/QĐ-UBND của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Phước. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đồng Nai, trong đó giải thể và kết thúc hoạt động Sở (phòng) Lao động - Thương binh và Xã hội được chuyển giao chức năng, nhiệm vụ: lĩnh vực việc làm về Sở Nội vụ và lĩnh vực Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh về Sở Nông nghiệp và Môi trường. Sau khi Quy chế này có hiệu lực, Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng Quy chế quản lý và sử dụng nguồn kinh phí được trích từ tiền lãi cho vay và tiếp tục được sử dụng nguồn kinh phí đã trích theo Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND, Quyết định số 41/2020/QĐ-UBND của Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Nai. Riêng đối với kinh phí chi hỗ trợ hoạt động Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã trích theo Quyết định số 1606/QĐ-UBND và Quyết định số 355/QĐ-UBND của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Phước được giao Sở Nội vụ tiếp tục sử dụng.

**Điều 12. Sửa đổi, bổ sung, thay thế**

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn hay các văn bản thực hiện tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì áp dụng theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các sở, ban, ngành, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Ủy ban Nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài chính) để tổng hợp, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.